TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

2. Ông Lương Chí Nguyện

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm X, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A trình bày: Chị A và anh Trần Minh B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2014, tại Ủy ban nhân dân thị trấn H (nay là phường H), thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Anh chị có 03 con chung là cháu Trần Ngọc T, sinh năm 2000; cháu Trần Gia Th, sinh ngày 13/3/2008; cháu Trần Thảo M, sinh ngày 08/8/2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Khi hai vợ chồng mâu thuẫn thì anh B lại đánh chị A. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, chị A cũng nhiều lần cho anh B cơ hội nhưng anh B không thay đổi. Do đó, chị Akhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh anh B. Về con chung: Cháu Trần Ngọc T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Thị và cháu M chị tôn trọng quyền quyết định của hai con. Trường hợp hai con đồng ý sống cùng chị thì chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Minh B dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A được ly hôn với anh B. Về con chung giao cháu Trần Gia Th, sinh ngày 13/3/2008; cháu Trần Thảo M, sinh ngày 08/8/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Anh B không phải chấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung do chị Axác định chị và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2014, tại Ủy ban nhân dân thị trấn H (nay là phường H), thị xã R, tỉnh Bạc Liêu theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B và giải quyết về con chung đây thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"*, anh B hiện đang cư trú tại Khóm 2, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Chị Axác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng thì giữa chị và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mỗi khi mâu thuẫn thì anh B đánh chị A. Sự việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng dù đã được gia đình hai bên hàn gắn và được chị A cho cơ hội nhưng anh B vẫn không thay đổi. Chị Axác định hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Ađề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh B.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị A và anh B đoàn tụ nhưng chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của anh B. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị A cương quyết xin ly hôn, còn anh B thì không tham gia hòa giải, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Avà anh B có 03 con chung là cháu Trần Ngọc T, sinh năm 2000; cháu Trần Gia Th, sinh ngày 13/3/2008; cháu Trần Thảo M, sinh ngày 08/8/2015. Khi ly hôn đối với cháu Trần Ngọc T đã trưởng thành nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Th và cháu M chị A tôn trọng quyền quyết định của hai con. Trường hợp hai

con đồng ý sống cùng chị thì chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản ghi nhân ý kiến của cháu Thịnh và cháu My xác định khi cha mẹ ly hôn hai cháu muốn sống với mẹ vì từ trước đến nay cháu sống với mẹ, mẹ cháu có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu Th và cháu M cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định về tài sản chung và nợ chung chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Aphải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết A được ly hôn với anh Trần Minh B.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung cháu Trần Gia Th, sinh ngày 13/3/2008; cháu Trần Thảo M, sinh ngày 08/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Tuyết A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Th, cháu M hiện đang sống cùng chị A nên được giữ nguyên.

2.2 Anh Trần Minh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3 Anh Trần Minh B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị A không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị Tuyết A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Tuyết Ađã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0014543, ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy